

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 22/01/2025
V/v tranh chấp "HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Trí, bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: ông Quách Thuận An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1238/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1028/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** ông Lê Thanh V, sinh năm 1972, cư trú: tổ I, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. **Bị đơn:** ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974, cư trú: tổ F, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; cư trú: tổ I, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 20/9/2024, nguyên đơn ông Lê Thanh V trình bày:

Ông với ông T quen biết nhau là khi ông liên lạc với cơ quan Công an làm việc thì có làm việc với ông T. Vào ngày 07/11/2020, ông T có hỏi vay ông số tiền 50.000.000 đồng để đóng tiền cho con học thì ông cho ông T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Khi vay, ông T có viết biên nhận vay mượn ngày 07/11/2020 tại nhà của ông, số tiền vay 50.000.000 đồng ông đã đưa trực tiếp cho ông T vào ngày 07/11/2020. Sau khi vay ông T không có trả tiền gốc và đóng lãi cho ông từ thời điểm đó đến nay.

Biên nhận vay mượn ngày 07/11/2020 là do ông T viết, chữ ký và ghi họ tên là do ông T ký và ghi họ tên, dấu lấn tay trong biên nhận là của ông T. Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng từ ngày 07/11/2020 đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông quen biết với ông V khi ông còn làm việc tại Phòng C - Công an tỉnh A thì có bạn bè giới thiệu. Vào ngày 07/11/2020, ông có vay ông V số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để điều trị bệnh cho vợ và con đang học đại học, không thỏa thuận thời hạn vay, có lập biên nhận vay mượn ngày 07/11/2020. Ông đã nhận tiền trực tiếp từ ông V vào ngày 07/11/2020. Ông xác định có đóng lãi cho ông V được 18 tháng, số tiền lãi mỗi tháng là 1.000.000 đồng, 18 tháng là 18.000.000 đồng, cách thức đóng lãi là 06 tháng đóng 01 lần 6.000.000 đồng, lúc đưa là đưa cho vợ của ông V tên M, ông đã đưa tiền lãi 03 lần cho chị M (vợ ông V), tổng số tiền lãi đã đưa cho bà M là 18.000.000 đồng tại nhà của ông V, bà M không có lập biên bản nhận tiền. Ông thừa nhận có nợ ông V số tiền 50.000.000 đồng nhưng do không đủ số tiền để trả nợ nên ông xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền nợ, tiền lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng thì ông xin chỉ trả nợ gốc do gia đình gặp khó khăn về kinh tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Thanh V. Bà có biết việc ông V cho ông T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng nhưng không nhớ rõ thời điểm cho vay. Khi cho vay thì bà đưa trực tiếp số tiền 50.000.000 đồng cho ông T và ông T có lập biên nhận vay mượn với ông V. Bà xác định số tiền 50.000.000 là tiền của vợ chồng bà. Mặc dù là tiền của vợ chồng nhưng việc vay tiền là giữa ông V và ông T. Ông T lập biên bản nhận vay mượn tiền với ông V nên việc ông V yêu cầu ông T trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên thì bà đồng ý và để ông V yêu cầu ông T trả cho ông V và không có ý kiến. Từ thời điểm mà ông T nhận tiền vay đến nay, ông T không có ghé nhà bà. Bà xác định không có nhận tiền lãi hoặc số tiền nào khác từ ông T. Việc vay mượn là giữa ông V và ông T. Từ thời điểm ông T nhận tiền vay đến nay thì bà không có nhận bất kỳ số tiền nào của ông T.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông V yêu cầu ông T trả số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/11/2020 đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật

Tổ tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh V. Buộc ông Nguyễn Ngọc T trả cho ông Lê Thanh V số tiền vốn 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/11/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: theo đơn khởi kiện của ông Lê Thanh V yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất 2% từ ngày 07/11/2020 cho đến khi Tòa án xét xử. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, cư trú tại tổ F, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông V khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận vay mượn ngày 07/11/2020. Xét tại biên nhận vay mượn ngày 07/11/2020 (BL 04) thể hiện nội dung: *“Tôi tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974, cư ngụ tại tổ F, ấp K, K, Chợ M, An Giang. Tôi có mượn của anh Lê Thanh V, ngụ ấp B, xã B, C, An Giang số tiền là 50.000.000 đ, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay: 06 tháng. Khi nào anh Lê Thanh V lấy lại số tiền trên thì thông báo cho tôi trước 02 tháng, để tôi lo trả số tiền trên”*. Tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, ông T thừa nhận có vay ông V số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để điều trị bệnh cho vợ và con đang học đại học, không thỏa thuận thời hạn vay, có lập biên nhận vay mượn ngày 07/11/2020 và ông đã nhận tiền trực tiếp từ ông V vào ngày 07/11/2020. Do vậy, ông V khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Theo biên nhận vay mượn ngày 07/11/2020 thể hiện lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng. Ông T cho rằng có đóng lãi cho ông V được 18 tháng, số tiền lãi mỗi tháng là 1.000.000 đồng, 18 tháng là 18.000.000 đồng, cách thức đóng lãi là 06 tháng đóng 01 lần 6.000.000 đồng, lúc đưa là đưa cho vợ của ông V tên M, ông đã đưa tiền lãi 03 lần cho chị M (vợ ông V), tổng số tiền lãi ông đã đưa cho bà M là 18.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã triệu tập các đương sự để đối chất làm rõ số tiền lãi mà ông T đã đưa cho bà M vào ngày 19/12/2024 nhưng ông T vắng mặt. Bà M xác định không có nhận tiền lãi hoặc số tiền nào khác từ ông T, việc vay mượn là giữa ông V với ông T và tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2024, ông T xác định tổng số tiền lãi đã đưa cho bà M là 18.000.000 đồng nhưng không có lập biên bản nên việc ông T cho rằng đã đóng lãi cho ông V số tiền 18.000.000 đồng là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, ông V xác định lại yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông T trả số tiền 50.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay (ngày 07/11/2020) đến ngày Tòa án xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Do đó, yêu cầu tính lãi suất của ông V là phù hợp theo quy định của pháp luật nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm, từ ngày 07/11/2020 đến ngày 22/01/2025 là 4 năm, 2 tháng, 15 ngày và được tính cụ thể như sau:

50.000.000 đồng x 20%/năm x 4 năm, 2 tháng, 15 ngày = 42.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên, ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông V là 92.500.000 đồng trong đó tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 42.500.000 đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ông V được chấp nhận nên ông V được hoàn lại số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0023415 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 10 năm 2024. Ông T phải nộp 4.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh V.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh V số tiền 92.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh V được hoàn lại số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0023415 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 10 năm 2024.

Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 4.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuyên